TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày 06/9/2019
" *Ly hôn, tranh chấp nuôi con* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Giới.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Trung
2. Ông Bùi Quốc Tuấn

Thư ký phiên toà*:* Bà Tô Thị Lan Phương – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh: Ông Phạm Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2019, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/QĐST - HPT ngày 09/8/2019, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Chị Phạm Thị Bích T - Sinh năm 1986; Địa chỉ: Khu đô thị K, phường K, thị xã Đ, tỉnh Q -Có mặt.

2. ***Bị đơn***: Anh Nguyễn Sỹ H - Sinh năm 1981; Địa chỉ: Khu đô thị K, phường K, thị xã Đ, tỉnh Q – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Phạm Thị Bích T: Chị kết hôn cùng anh Nguyễn Sỹ H trên cơ sở tình yêu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 21/02/2014, tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) K, thị xã Đ, tỉnh Q. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại khu đô thị K, phường K, thị xã Đ. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2018, mỗi người sống một nơi. Bản thân chị đã tìm mọi cách khắc phục và gia đình hai bên nội ngoại cũng động viên, hòa giải rất nhiều

nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin ly hôn với anh H. Về con chung, vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Sỹ L - sinh ngày 09/01/2015, hiện do chị nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Vợ chồng chị có tài sản chung gòm 01 ngôi nhà 2,5 tầng xây trên diện tích đất 99m^2, tại Khu đô thị K, phường K, thị xã Đ, tỉnh Q, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04629 do Uỷ ban nhân dân thị xã Đông Triều cấp ngày 28/01/2016, trị giá khoảng 1.773.500.000đ (một tỷ bẩy trăm bẩy mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng); Về nợ chung: Vợ chồng chị hiện còn nợ: Cô Phạm Thị P, địa chỉ, phường H, thành phố M, tỉnh Q 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng). Ngày 23/4/2019, chị T có đơn xin rút yêu cầu về việc phân chia tài sản chung và nợ chung.

Đến nay, nguyên đơn chị Phạm Thị Bích T yêu cầu tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Nguyễn Sỹ H.

2. Về con chung: xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Hoành cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H tự thỏa thuận.

Bị đơn anh Nguyễn Sỹ Hoành trình bày: Quá trình kết hôn và chung sống như chị T trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh mải chơi, ham mê cờ bạc. Khi chị T về ngoại, vợ chồng ly thân nhưng anh vẫn qua lại thăm vợ con, tìm cách hàn gắn vợ chồng. Đến nay, anh vẫn yêu thương chị T nên không đồng ý ly hôn. Về con chung, anh và chị T có 01 con chung là Nguyễn Sỹ L - sinh ngày 09/01/2015, nếu Tòa án quyết định vợ chồng anh ly hôn thì nguyện vọng của anh xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: anh và chị T không có tài sản chung, không vay nợ ai.

Đến nay bị đơn anh Nguyễn Sỹ H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị Bích T.

Về con chung: xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Thủy cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Người có quyền lợi liên quan chị Phạm Thị P có đơn trình bày: Chị đã nhận được thông báo thụ lý vụ án số 90/TLST – HNGĐ ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều. Về số tiền 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng) chị cho vợ chồng anh H, chị T vay, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do hiện nay chị đi làm ăn xa nên chi P xin vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật. Thẩm phán, thư ký và hội đồng xét xử tuân thủ đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại điều 70; 71Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng

dân sự, không có mặt tại Tòa án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng chị Phạm Thị Bích T và anh Nguyễn Sỹ H là trầm trọng, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị T được ly hôn với anh H; Giao cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung là Nguyễn Sỹ L, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Chị Phạm Thị Bích T xin ly hôn anh Nguyễn Sỹ H, có hộ khẩu thường trú tại khu đô thị K, phường K, thị xã Đ, tỉnh Q, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Bích T và anh Nguyễn Sỹ H kết hôn trên cơ sở tình yêu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn là cuộc hôn nhân hợp pháp. Mục đích kết hôn là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, vợ chồng bình đẳng với nhau về mọi mặt trong gia đình, vợ chồng thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng do anh chị không hợp quan điểm trong sinh hoạt và cuộc sống, anh H ham mê cờ bạc, dẫn tới nợ nần nên phát sinh mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng. Do không hòa giải được mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay, mỗi người sống một nơi, không quan tâm gì đến nhau. Nếu duy trì hôn nhân cũng không có hạnh phúc. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh H là trầm trọng, tình yêu không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Sỹ H.

3. Về con chung:

Chị T và anh H có 01 con chung là Nguyễn Sỹ L - sinh ngày 09/01/2015. Chị T và anh H đều có nguyện vọng nuôi con chung. Xét chị T hiện là giáo viên, có việc làm thu nhập ổn định, vì vậy để đảm bảo sự phát triển cả về thể chất và tinh thần cho cháu L nên chấp nhận nguyện vọng của chị T là phù hợp đạo đức và pháp luật; Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Sỹ L đến đủ tuổi thành niên, anh Hoành không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung và nợ chung : Chị T và anh H có tài sản chung và có nợ chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Người có quyền lợi liên quan là chị Phạm Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản tiền cho vợ chồng chị T anh H vay, nên không xét.

5. Về án phí : Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Bích T.

Căn cứ: Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a - Khoản 5 - Điều 27 – Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Sỹ H.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Sỹ L - sinh ngày 09/01/2015 đến đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Anh Nguyễn Sỹ H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị T cùng gia đình không ai được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Phạm Thị Bích T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0003833 ngày 11/3/2019của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án./

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND thị xã Đông Triều;*
- *Chi cục THADS thị xã Đông Triều;*
- *Các đương sự;*
- *Ủy ban nhân dân phường Hưng Đạo;*
- *Lưu.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Giới